

**ỦY BAN NHÂN DÂN
XÃ ĐẠI PHÚC**

Số: 397/QĐ-UBND

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Đại Phúc, ngày 01 tháng 04 năm 2026

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc công khai số liệu và thuyết minh tình hình thực hiện
dự toán ngân sách xã quý I năm 2026**

ỦY BAN NHÂN DÂN XÃ ĐẠI PHÚC

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 16/6/2025;

Căn cứ Luật ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2025;

Căn cứ Nghị định số 73/2026/NĐ-CP, ngày 10/3/2026 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ các Thông tư của Bộ Tài chính: Số 133/2025/TT-BTC, ngày 24/12/2025 quy định về tổ chức thực hiện dự toán ngân sách nhà nước năm 2026; Số 26/2026/TT-BTC, ngày 25/3/2026 quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Nghị định số 73/2026/NĐ-CP ngày 10 tháng 3 năm 2026 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước.

Căn cứ Quyết định số 1636/QĐ-UBND ngày 29/12/2025 của UBND xã Đại Phúc về việc giao dự toán ngân sách nhà nước xã Đại Phúc năm 2026;

Theo đề nghị của Trưởng phòng Kinh tế xã Đại Phúc.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công khai tình hình thực hiện dự toán ngân sách xã Đại Phúc quý I năm 2026, cụ thể như sau:

(Có thuyết minh tình hình thực hiện và biểu chi tiết kèm theo)

Điều 2. Trung tâm Dịch vụ tổng hợp thực hiện công khai tình hình thực hiện dự toán ngân sách cấp xã quý I năm 2026 trên cổng thông tin điện tử của xã.

Điều 3. Chánh Văn phòng HĐND và UBND xã; Trưởng phòng Kinh tế, Giám đốc Trung tâm Dịch vụ tổng hợp xã Đại Phúc; Thủ trưởng các cơ quan, đoàn thể, các đơn vị sự nghiệp công lập thuộc UBND xã và các đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. /*tyl*

Nơi nhận:

- Lãnh đạo UBND xã;
- Như Điều 3;
- Cổng thông tin điện tử xã;
- Lưu: VT, KT.

Phm

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Phm

Cao Xuân Thắng

Phụ lục I

THUYẾT MINH CÔNG KHAI DỰ TOÁN NGÂN SÁCH QUÝ I NĂM 2026 XÃ ĐỨC LƯƠNG (Kèm theo Quyết định số 397/QĐ-UBND ngày 01/4/2026 của UBND xã Đại Phúc)

Thực hiện chế độ công khai tình hình thực hiện dự toán ngân sách cấp xã quý I theo quy định tại khoản 3 Điều 26 Thông tư số 26/2026/TT-BTC ngày 25/3/2026 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Nghị định số 73/2026/NĐ-CP ngày 10 tháng 3 năm 2026 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước, UBND xã Đức Lương công khai tình hình thực hiện dự toán ngân sách xã quý I năm 2026 như sau:

I. Tình hình cân đối ngân sách xã quý I năm 2026

1. Tổng thu ngân sách nhà nước trên địa bàn: 98.037.656.995 đồng, trong đó:

- Thu nội địa không kể dầu thô: 98.037.656.995 đồng;

2. Tổng thu ngân sách địa phương: 321.805.257.775 đồng, trong đó:

+ Thu ngân sách được hưởng theo phân cấp: 59.229.805.750 đồng;

+ Thu bổ sung từ ngân sách cấp trên: 30.314.738.000 đồng;

+ Thu chuyển nguồn từ năm trước chuyển sang: 232.260.714.025 đồng;

3. Tổng chi ngân sách xã: 144.276.542.965 đồng, trong đó:

+ Chi cân đối ngân sách địa phương: 144.276.542.965 đồng.

II. Ước thực hiện thu NSNN quý I năm 2026

1. Tổng thu NSNN trên địa bàn xã: 98.037.656.995 đồng, cụ thể như sau:

- Thu nội địa: 98.037.656.995 đồng, trong đó:

+ Thu từ khu vực doanh nghiệp do nhà nước giữ vai trò chủ đạo: 323.000.000 đồng.

+ Thu từ khu vực kinh tế ngoài quốc doanh: 9.921.000.000 đồng;

+ Thuế thu nhập cá nhân: 4.008.000.000 đồng;

+ Lệ phí trước bạ: 6.450.760.508 đồng.

+ Các loại phí, lệ phí: 393.000.000 đồng;

+ Các khoản thu về nhà, đất: 76.476.896.487 đồng;

+ Thu khác ngân sách: 465.000.000 đồng.

+ Thu tiền thuế sử dụng đất phi nông nghiệp: 103.674.656 đồng

+ Thu tiền thuê đất: 7.687.964.368 đồng

+ Thu tiền sử dụng đất: 68.685.257.463 đồng

2. Thu NSDP được hưởng theo phân cấp: 59.229.805.750 đồng, trong đó:

+ Từ các khoản thu phân chia giữa NSTW và NSDP: 38.746.370.586 đồng;

+ Các khoản thu NSDP hưởng 100%: 20.483.435.164 đồng.

II. Ước thực hiện chi NSNN quý I năm 2026

Tổng chi ngân sách xã: 144.276.542.965 đồng, cụ thể như sau:

- Chi cân đối ngân sách địa phương: 18.809.202.606 đồng, trong đó:

+ Chi đầu tư phát triển: 86.649.008.973 đồng.

+ Chi thường xuyên: 57.627.533.992 đồng (*trong đó chi cho giáo dục, đào tạo: 33.932.868.479 đồng*).

TÌNH HÌNH CÂN ĐỐI NSDP QUÝ I NĂM 2026

(Kèm theo Quyết định số 397/QĐ-UBND ngày 01/04/2026 của UBND xã Đại Phúc)

ĐVT: Đồng

STT	NỘI DUNG	Dự toán	Ước thực hiện		Ước 03 tháng so (%)	
			Quý I	Lũy kế 03 tháng	Dự toán	Cùng kỳ năm trước
A	B	1	2	3	4=3/1	5
A	TỔNG THU NSNN TRÊN ĐỊA BÀN	516.155.000.000	98.037.656.995	98.037.656.995	19	
1	Thu nội địa không kê dầu thô	516.155.000.000	98.037.656.995	98.037.656.995	19	
II	Thu về dầu thô					
III	Thu cân đối từ hoạt động xuất nhập khẩu					
IV	Thu Viện trợ					
B	TỔNG THU NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG	739.081.000.000	321.805.257.775	321.805.257.775	44	
I	Thu NSDP được hưởng theo phân cấp	516.155.000.000	59.229.805.750	59.229.805.750	11	
1	Các khoản thu NSDP hưởng 100%	61.590.000.000	20.483.435.164	20.483.435.164	33	
2	Thuế GTGT (phần NSDP hưởng 30%)					
3	Các khoản thu phân chia NSDP theo tỷ lệ %	454.565.000.000	38.746.370.586	38.746.370.586	9	
II	Thu bổ sung từ ngân sách cấp trên	222.926.000.000	30.314.738.000	30.314.738.000	14	
1	Bổ sung cân đối	119.074.000.000			0	
2	Bổ sung có mục tiêu	103.852.000.000	30.314.738.000	30.314.738.000	29	
III	Thu từ quỹ dự trữ tài chính					
IV	Thu chuyển nguồn từ năm trước chuyển sang	232.260.714.025	232.260.714.025	232.260.714.025	100	
C	TỔNG CHI NSDP	423.898.250.000	144.276.542.965	144.276.542.965	34	
I	Chi cân đối ngân sách địa phương	423.898.250.000	144.276.542.965	144.276.542.965	34	
1	Chi đầu tư phát triển	99.650.000.000	86.649.008.973	86.649.008.973	87	
2	Chi thường xuyên theo lĩnh vực	278.676.250.000	50.288.987.992	50.288.987.992	18	

STT	NỘI DUNG	Dự toán	Ước thực hiện		Ước 03 tháng so (%)	
			Quý I	Lũy kế 03 tháng	Dự toán	Cùng kỳ năm trước
3	Chi trả lãi, phí tiền vay					
4	Chi viện trợ					
5	Chi cho vay					
6	Chi bổ sung quỹ dự trữ tài chính					
7	Dự phòng NSNN	8.100.000.000				
8	Chi từ 10% trích từ nguồn thu cấp quyền sử dụng đất	6.000.000.000			0	
11	Chi từ nguồn bổ sung có mục tiêu từ NSTW cho NSDP	31.472.000.000	7.338.546.000	7.338.546.000	23	
II	Chi chuyển nguồn sang năm sau					

ƯỚC THỰC HIỆN THU NSNN QUÝ I NĂM 2026

(Kèm theo Quyết định số 397/QĐ-UBND ngày 01/04/2026 của UBND xã Đại Phúc)

ĐVT: Đồng

STT	NỘI DUNG	Dự toán	Ước thực hiện		Ước 03 tháng so (%)	
			Quý I	Lũy kế 03 tháng	Dự toán	Cùng kỳ năm trước
A	B	1	2	3	4	5
A	TỔNG THU NSNN TRÊN ĐỊA BÀN	516.155.000.000	98.037.656.995	98.037.656.995	19	
I	Thu nội địa không kể dầu thô	516.155.000.000	98.037.656.995	98.037.656.995	19	
1	Thu từ khu vực doanh nghiệp do Nhà nước giữ vai trò chủ đạo	960.000.000	323.000.000	323.000.000	34	
2	Thu từ khu vực doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài					
3	Thu từ khu vực kinh tế ngoài quốc doanh	28.150.000.000	9.921.000.000	9.921.000.000	35	
4	Thuế thu nhập cá nhân	12.145.000.000	4.008.000.000	4.008.000.000	33	
5	Thuế bảo vệ môi trường do cơ quan thuế thực hiện			0		
6	Các loại phí, lệ phí	22.825.000.000	6.843.760.508	6.843.760.508	30	
	<i>Trong đó: Lệ phí trước bạ</i>	<i>20.275.000.000</i>	<i>6.450.760.508</i>	<i>6.450.760.508</i>	<i>32</i>	
7	Các khoản thu về nhà, đất	448.225.000.000	76.476.896.487	76.476.896.487	17	
-	<i>Thuế sử dụng đất nông nghiệp</i>			0		
-	<i>Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp</i>	<i>620.000.000</i>	<i>103.674.656</i>	<i>103.674.656</i>	<i>17</i>	
-	<i>Thu tiền cho thuê đất, thuê mặt nước</i>	<i>37.605.000.000</i>	<i>7.687.964.368</i>	<i>7.687.964.368</i>	<i>20</i>	
-	<i>Thu tiền sử dụng đất</i>	<i>410.000.000.000</i>	<i>68.685.257.463</i>	<i>68.685.257.463</i>	<i>17</i>	
-	<i>Thu tiền cho thuê và bán nhà ở thuộc sở hữu nhà nước</i>			0		
8	Thu từ khai thác, xử lý tài sản công xử lý theo quy định của pháp luật về quản lý, sử dụng tài sản công			0		
9	Thu từ hoạt động xổ số kiến thiết			0		
10	Thu tiền cấp quyền khai thác khoáng sản, tài nguyên nước, cấp quyền sử dụng tần số vô tuyến điện, thu tiền sử dụng khu vực			0		

STT	NỘI DUNG	Dự toán	Ước thực hiện		Ước 03 tháng so (%)	
			Quý I	Lũy kế 03 tháng	Dự toán	Cùng kỳ năm trước
11	Thu tiền cấp quyền khai thác vùng biển			0		
12	Thu khác ngân sách	3.450.000.000	465.000.000	465.000.000	13	
13	Thu từ quỹ đất công ích và thu hoa lợi công sản khác	400.000.000	0	0		
14	Thu hồi vốn, cổ tức, lợi nhuận, lợi nhuận sau thuế, chênh lệch thu chi của NHNN			0		
-	<i>Thu hồi vốn của Nhà nước tại các tổ chức kinh tế</i>			0		
-	<i>Thu cổ tức, lợi nhuận, lợi nhuận sau thuế, chênh lệch thu chi của Ngân hàng Nhà nước</i>			0		
II	Thu về dầu thô			0		
III	Thu cân đối từ hoạt động xuất nhập khẩu			0		
1	Thuế xuất khẩu			0		
2	Thuế nhập khẩu			0		
3	Thuế tiêu thụ đặc biệt hàng nhập khẩu			0		
4	Thuế giá trị gia tăng hàng nhập khẩu			0		
5	Thuế bổ sung đối với hàng hoá nhập khẩu vào Việt Nam			0		
6	Thuế bảo vệ môi trường hàng nhập khẩu			0		

ƯỚC THỰC HIỆN CHI NSNN QUÝ I NĂM 2026

(Kèm theo Quyết định số 397/QĐ-UBND ngày 01/04/2026 của UBND xã Đại Phúc)

ĐVT: Đồng

STT	NỘI DUNG	Dự toán	Ước thực hiện		Ước 03 tháng so (%)	
			Quý I	Lũy kế 03 tháng	Dự toán	Cùng kỳ năm trước
A	B	1	2	3	4=3/1	5
	TỔNG SỐ	423.898.250.000	151.615.088.965	151.615.088.965	36	
A	CHI CÂN ĐỐI NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG	392.426.250.000	144.276.542.965	144.276.542.965	37	
I	Chi đầu tư phát triển	99.650.000.000	86.649.008.973	86.649.008.973	87	
1	Chi đầu tư phát triển theo ngành, lĩnh vực	99.650.000.000	86.649.008.973	86.649.008.973	87	
2	Chi chương trình mục tiêu quốc gia					
II	Chi trả lãi, phí tiền vay					
III	Chi thường xuyên theo lĩnh vực	278.676.250.000	57.627.533.992	57.627.533.992	21	
	<i>Trong đó:</i>					
	- Chi giáo dục, đào tạo và dạy nghề	196.583.000.000	33.932.868.479	33.932.868.479	17	
	- Chi khoa học công nghệ đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số	1.450.000.000	18.683.278	18.683.278	1	
IV	Chi cho vay					
V	Chi viện trợ					
VI	Chi bổ sung quỹ dự trữ tài chính					
VII	Dự phòng ngân sách nhà nước	8.100.000.000			0	
VII	Chi cải cách tiền lương, tính gián biên chế					
IX	Chi từ 10% trích từ nguồn thu cấp quyền sử dụng đất	6.000.000.000			0	
B	CHI TỪ NGUỒN BỔ SUNG CÓ MỤC TIÊU TỪ NSTW CHO NSDP	31.472.000.000	7.338.546.000	7.338.546.000	23	0
1	Chi đầu tư thực hiện các chương trình, nhiệm vụ, dự án					0
2	Chi thường xuyên thực hiện các chế độ, chính sách	31.472.000.000	7.338.546.000	7.338.546.000	23	0